

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



# CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

TÊN CHƯƠNG TRÌNH	: CÔNG TÁC XÃ HỘI
NGÀNH ĐÀO TẠO	: CÔNG TÁC XÃ HỘI SOCIAL WORK
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO	: 7760101
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	: ĐẠI HỌC
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO	: CHÍNH QUY
TÊN VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP	
- TIẾNG VIỆT	: CÔNG TÁC XÃ HỘI
- TIẾNG ANH	: SOCIAL WORK

Thành phố Hồ Chí Minh - 2022

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình	: Công tác xã hội
Ngành đào tạo	: Công tác xã hội
	: Social work
Mã ngành đào tạo	: 7760101
Trình độ đào tạo	: Đại học
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Tên văn bằng tốt nghiệp	: Cử nhân
- Tiếng Việt	: Công tác xã hội
- Tiếng Anh	: Social work

*(Ban hành kèm theo quyết định số 2746/ĐHSP-ĐT, ngày 27 tháng 9 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh)*

### 1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1.1. Mục tiêu đào tạo

##### 1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân viên Công tác xã hội có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực hoạt động chuyên nghiệp nhằm mục đích cung cấp dịch vụ Công tác xã hội cho các cá nhân, nhóm và cộng đồng có nhu cầu cần trợ giúp.

##### 1.1.2. Mục tiêu cụ thể

**1.1.2.1.** Đào tạo nhân viên Công tác xã hội có phẩm chất, năng lực làm việc trong lĩnh vực công tác xã hội học đường.

**1.1.2.2.** Đào tạo nhân viên Công tác xã hội có phẩm chất, năng lực làm việc trong lĩnh vực công tác xã hội trẻ em và nhóm dễ bị tổn thương khác.

#### 1.2. Chuẩn đầu ra:

Mã CDR	Mô tả
<b>PHẨM CHẤT</b>	
<b>PLO 1</b>	<b>Thể hiện được trách nhiệm công dân và trách nhiệm với nghề nghiệp</b>
PI 1.1	Tuân thủ, chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước
PI 1.2	Thể hiện trách nhiệm với bản thân và xã hội
PI 1.3	Thể hiện trách nhiệm của người công dân toàn cầu
PI 1.4	Tuân thủ các quy chuẩn nghề nghiệp
<b>PLO 2</b>	<b>Thể hiện được tính nhân văn và quan tâm đến các vấn đề về phát triển bền vững</b>
PI 2.1	Tôn trọng, quan tâm, chia sẻ và giúp đỡ mọi người
PI 2.2	Thể hiện trách nhiệm bản thân với các vấn đề về phát triển bền vững

Mã CDR	Mô tả
<b>NĂNG LỰC CHUNG</b>	
<b>PLO 3</b>	<b>Giao tiếp và hợp tác hiệu quả</b>
PI 3.1	Sử dụng hiệu quả tiếng Việt để truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác trong học tập và nghề nghiệp
PI 3.2	Sử dụng được một ngoại ngữ (ngoại ngữ thứ 2 đối với sinh viên chuyên ngữ) đạt trình độ bậc 3 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
PI 3.3	Tham gia, tổ chức và đánh giá được hoạt động nhóm trong các điều kiện làm việc khác nhau
PI 3.4	Giao tiếp và hợp tác đạt kết quả dựa trên sự tôn trọng các khác biệt của cá nhân, nhóm
PI 3.5	Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ hiệu quả trong giao tiếp và hợp tác
<b>PLO 4</b>	<b>Giải quyết vấn đề hiệu quả và sáng tạo</b>
PI 4.1	Giải quyết được các nhiệm vụ một cách độc lập và bảo vệ được quan điểm cá nhân
PI 4.2	Sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả và sáng tạo trong giải quyết vấn đề
PI 4.3	Thích ứng với những thay đổi để giải quyết vấn đề đạt kết quả
<b>NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN</b>	
<b>PLO 5</b>	<b>Vận dụng các kiến thức, kỹ năng chuyên ngành CTXH để giải quyết được các vấn đề khoa học trong bối cảnh cụ thể thuộc lĩnh vực CTXH trẻ em, CTXH học đường và CTXH với đối tượng dễ bị tổn thương khác</b>
PI 5.1	Phát hiện được các vấn đề khoa học trong bối cảnh cụ thể thuộc lĩnh vực CTXH trẻ em, CTXH học đường và CTXH với đối tượng dễ bị tổn thương khác
PI 5.2	Thu thập và xử lý thông tin để giải quyết được các vấn đề khoa học trong bối cảnh cụ thể thuộc lĩnh vực CTXH trẻ em, CTXH học đường và CTXH với đối tượng dễ bị tổn thương khác
<b>PLO 6</b>	<b>Vận dụng các kiến thức, kỹ năng chuyên ngành CTXH để giải quyết được các vấn đề thực tiễn trong bối cảnh cụ thể thuộc lĩnh vực CTXH trẻ em, CTXH học đường và CTXH với đối tượng dễ bị tổn thương khác</b>
PI 6.1	Đánh giá tình trạng (khía cạnh tâm- sinh- xã hội, nguồn lực, nguy cơ...) và lên kế hoạch trợ giúp cho các đối tượng có nhu cầu
PI 6.2	Thực hành được các kỹ năng công tác xã hội với cá nhân, nhóm, cộng đồng vào các định hướng thực hành như CTXH học đường, CTXH trẻ em và CTXH với đối tượng dễ bị tổn thương khác
<b>NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP</b>	
<b>PLO 7</b>	<b>Thực hiện được ý tưởng khởi nghiệp</b>
PI 7.1	Xác định được định hướng khởi nghiệp cho bản thân
PI 7.2	Dẫn dắt được người khác khởi nghiệp
<b>PLO 8</b>	<b>Thực hiện được hoạt động nghề nghiệp và xác định được các yêu cầu về quản lý hoạt động chuyên môn trong CTXH trẻ em, CTXH học đường và CTXH với đối tượng dễ bị tổn thương khác</b>
PI 8.1	Xác định được các yêu cầu về quản lý hoạt động chuyên môn CTXH như: Tiêu chuẩn nghiệp vụ, tiêu chuẩn đạo đức nghề CTXH trong lĩnh vực CTXH học đường, CTXH trẻ em và CTXH với đối tượng dễ bị tổn thương khác
PI 8.2	Thực hiện được hoạt động chuyên môn CTXH trong lĩnh vực CTXH trẻ em, CTXH học đường và CTXH với CTXH với đối tượng dễ bị tổn thương khác
<b>PLO 9</b>	<b>Thực hiện linh hoạt các công việc thuộc lĩnh vực CTXH trong các điều kiện thay đổi, trong môi trường làm việc đa văn hoá</b>
PI 9.1	Nhận diện được ảnh hưởng của bối cảnh toàn cầu, khu vực, đất nước và địa phương, những cơ hội và thách thức đối với nghề công tác xã hội nói chung và lĩnh vực công tác xã hội học đường, công tác xã hội trẻ em và CTXH với đối tượng dễ bị tổn thương khác nói riêng
PI 9.2	Có khả năng làm việc độc lập, khả năng thích ứng với sự khác biệt văn hoá, sự thay đổi trong bối cảnh làm việc thuộc lĩnh vực công tác xã hội học đường, công tác xã hội trẻ em và CTXH với đối tượng dễ bị tổn thương khác
<b>PLO 10</b>	<b>Thực hiện được hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực CTXH trẻ em, CTXH học đường và CTXH với đối tượng dễ bị tổn thương khác</b>

Mã CDR	Mô tả
PI 10.1	Lập được kế hoạch nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công tác xã hội học đường, công tác xã hội trẻ em và CTXH với đối tượng dễ bị tổn thương khác
PI 10.2	Triển khai thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công tác xã hội học đường, công tác xã hội trẻ em và CTXH với đối tượng dễ bị tổn thương khác

**\*PLO (Program Learning Outcome): Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

### 1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên công tác xã hội làm việc trong các lĩnh vực công tác xã hội nói chung, đặc biệt trong các lĩnh vực công tác xã hội học đường, công tác xã hội trẻ em và công tác xã hội với các đối tượng dễ bị tổn thương khác (tại các cơ sở giáo dục và các trung tâm bảo trợ trẻ em như các trung tâm công tác xã hội, trung tâm tư vấn, tham vấn tâm lý, trung tâm bảo trợ xã hội, mái ấm, nhà mở, trường giáo dưỡng, các tổ chức cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức nhà nước, các đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội Liên Hiệp Phụ nữ, Hội Chữ Thập Đỏ...)).
- Nhân viên công tác xã hội làm việc tại các bệnh viện, các cơ sở tôn giáo, Sở Lao Động Thương binh và Xã hội.
- Giảng dạy và nghiên cứu công tác xã hội tại các trường, các viện nghiên cứu.

### 1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoặc có thể học lên thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và ngoài nước ngành Công tác xã hội và một số ngành gần khi có đủ điều kiện.

### 1.5. Thời gian đào tạo: 4 năm

### 1.6. Tổng số tín chỉ toàn khóa học

Tổng số tín chỉ cho toàn khóa học là **124** tín chỉ, bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (chưa kể các nội dung về tin học, ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng).

### 1.7. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

### 1.8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

### 1.9. Thang điểm

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

## 1.10. Các chương trình đối sánh/tham khảo

- CTĐT ngành: CTXH - Trường: Đại học Quốc gia TP.HCM- Trường Đại học KHXN & NV (đính kèm link đã tham khảo): <https://hcmussh.edu.vn/static/document/CTDT-2021.pdf>

- CTĐT ngành: CTXH - Trường Đại học Công Đoàn (đính kèm link đã tham khảo: [Mô tả CTĐT CTDH\\_CTXH 19\\_8\\_2019.pdf](#) (dhcd.edu.vn), <http://dhcd.edu.vn/userfiles/description/file/tin/chuongtrinhdaotao/update2022>

- CTĐT ngành: CTXH - Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội (đính kèm link đã tham khảo: <http://ctxh.hnue.edu.vn/dao-tao/dai-hoc/p/chuan-va> <https://tuyensinh.hnue.edu.vn/khung-chuong-trinh/p/khung-chuong-trinh-dao-tao-cong-tac-xa-hoi-k69-358>

- CTĐT ngành: CTXH - Viện Phát triển xã hội quốc gia (NISD) (đính kèm link đã tham khảo CTĐT ngành: <https://www.nisd.ac.lk/index.php?lang=en#>)

- CTĐT ngành: CTXH - Trường Đại học San Jose State (đính kèm link đã tham khảo CTĐT ngành <https://socialwork.asu.edu/>

## 2. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Cấu trúc của chương trình đào tạo

Hợp phần	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ %	Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	Tỉ lệ	Số TC	Tỉ lệ
Học phần nền tảng	<b>67</b>	54%	57	46%	10	8%
Học phần nghiệp vụ	<b>39</b>	31,5%	35	30,6%	4	0,9%
Học phần thực hành, thực tập nghề nghiệp	<b>12</b>	9,7%	12	9,7%	0	0
Học phần tốt nghiệp	<b>6</b>	4,8%	6	4,8%	0	0
<b>Tổng</b>	<b>124</b>	<b>100%</b>	<b>110</b>	<b>91,1%</b>	<b>14</b>	<b>8.9%</b>

### 2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP tiên quyết	HP học trước	HP hỗ trợ/song hành
<b>1. HỌC PHẦN NỀN TẢNG (67TC)</b>						
<b>1.1. Học phần chung</b>						
<b>a. Học phần bắt buộc (15TC)</b>						
1	POLI2001	Triết học Mác – Lênin	3	Không	Không	Không
2	POLI2002	Kinh tế chính trị học Mác – Lênin	2	Không	POLI2001	Không
3	POLI2003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Không	POLI2001	Không
4	POLI2004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Không	POLI2005	Không
5	POLI2005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Không	POLI2003	Không
6	POLI1903	Pháp luật đại cương	2	Không	Không	Không
7	PSYC1001	Tâm lý học đại cương	2	Không	Không	Không
8	PHYL2401	Giáo dục thể chất 1	1*	Không	Không	Không
9	PHYL2	Giáo dục thể chất 2	1*	Không	Không	Không
10	PHYL3	Giáo dục thể chất 3	1*	Không	Không	Không
11	MILI2701	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng	3**	Không	Không	Không
12	MILI2702	Công tác quốc phòng và an ninh	2**	Không	Không	Không
13	MILI2703	Quân sự chung	2**	Không	Không	Không
14	MILI2704	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4**	Không	Không	Không
<b>b. Học phần tự chọn bắt buộc 1 và 2 (4TC)</b>						
Người học chọn 4 tín chỉ trong các học phần thuộc nhóm này.						
15	EDUC2801	Phương pháp học tập hiệu quả	2	Không	Không	Không
16	PSYC1493	Kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề	2	Không	Không	Không
17	PSYC2801	Kỹ năng làm việc nhóm và tư duy sáng tạo	2	Không	Không	Không
18	COMP1812	Trí tuệ nhân tạo và định hướng ứng dụng	2	Không	Không	Không
19	DOMS0	Giáo dục đời sống	2	Không	Không	Không
<b>1.2. Học phần chuyên môn chung cho nhóm ngành (4TC)</b>						
<b>a. Học phần bắt buộc (2TC)</b>						
20	PSYC1409	Logic học đại cương	2	Không	Không	Không
<b>b. Học phần tự chọn bắt buộc 3 (2TC)</b>						
Người học chọn 2 tín chỉ trong các học phần thuộc nhóm này						
21	EDUC1410	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	2	Không	Không	Không
22	LITR1912	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	Không	Không	Không
<b>1.3. Học phần chuyên môn chung lĩnh vực và riêng cho ngành cụ thể</b>						
<b>a. Học phần bắt buộc (40TC)</b>						
23	PSYC1718	Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu KHXH	3	Không	PSYC2804	Không
24	PSYC1440	Nhập môn đánh giá tâm lý	3	Không	PSYC1001	Không
25	PSYC1840	Nhập môn CTXH	2	Không	Không	Không
26	PSYC1438	Tâm lý học trẻ em	3	Không	PSYC1001	Không
27	PSYC1042	TLH người trưởng thành	2	Không	PSYC1001	Không
28	PSYC1105	TLH tham vấn	3	Không	PSYC1001	Không
29	PSYC1408	Hành vi con người và môi trường xã hội	2	Không	PSYC1840	Không
30	PSYC1435	Tâm bệnh học trẻ em	2	Không	PSYC1438	Không

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP tiên quyết	HP học trước	HP hỗ trợ/song hành
31	PSYC1422	An sinh xã hội	2	Không	PSYC1840	Không
32	PSYC1413	Chính sách xã hội	2	Không	PSYC1840	Không
33	PSYC1402	Lý thuyết CTXH	3	Không	PSYC1840	Không
34	PSYC1414	CTXH với cá nhân	3	Không	PSYC1402	Không
35	PSYC1415	CTXH với nhóm	3	Không	PSYC1402	Không
36	PSYC1411	Phát triển cộng đồng	3	Không	PSYC1402	Không
37	PSYC1841	NCKH trong CTXH	2	Không	PSYC1840	Không
38	PSYC1420	Kỹ năng hỗ trợ nghiệp vụ CTXH	2	Không	PSYC1840	Không

**b. Học phần tự chọn bắt buộc 4, 5 (4TC)**

Người học chọn 4 tín chỉ trong các học phần thuộc nhóm này

39	PSYC1125	Kỹ năng giao tiếp - ứng xử	2	Không	Không	Không
40	PSYC1425	CTXH trong bệnh viện	2	Không	PSYC1840	Không
41	PSYC1429	Giáo dục sức khỏe cộng đồng	2	Không	PSYC1840	Không
42	PSYC1126	Giới và phát triển	2	Không	Không	Không
43	PSYC1748	Pháp luật trong CTXH	2	Không	PSYC1840	Không
44	PSYC1842	Quản lý trường hợp	2	Không	PSYC1414	Không

**2. HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ (39TC)**

**2.1. Học phần nghiệp vụ chung cho khối ngành (4TC)**

45	PSYC2803	Khởi nghiệp	2	Không	PSYC1001	Không
46	PSYC2804	Phương pháp NCKH	2	Không	Không	Không

**2.2. Học phần nghiệp vụ riêng cho từng ngành cụ thể (35TC)**

**a. Học phần bắt buộc (31TC)**

47	COMP1815	Ứng dụng CNTT trong môi trường làm việc	2	Không	Không	Không
48	PSYC1843	Giáo dục kỹ năng sống	3	Không	PSYC1840	Không
49	PSYC1423	Kỹ năng tham vấn tâm lý cơ bản	3	Không	PSYC1105	Không
50	PSYC1452	Tham vấn học đường	3	Không	PSYC1105	Không
51	PSYC1445	TLH trị liệu	3	Không	PSYC1105	Không
52	PSYC1742	CTXH trẻ em và gia đình	3	Không	PSYC1840	Không
53	PSYC1442	CTXH học đường	3	Không	PSYC1840	Không
54	PSYC1418	Quản trị ngành CTXH	2	Không	PSYC1415	Không
55	PSYC1749	Xây dựng và quản lý dự án trong CTXH	3	Không	PSYC1415	Không
56	PSYC1750	CTXH với nhóm dễ tổn thương	3	Không	PSYC1415	Không
57	PSYC1744	Rèn luyện nghiệp vụ CTXH với cá nhân	3	Không	PSYC1414	Không

**b. Học phần tự chọn bắt buộc 6, 7 (4TC)**

Người học chọn 4 tín chỉ trong các học phần thuộc nhóm này

58	PSYC1449	Tham vấn khủng hoảng	2	Không	PSYC1105	Không
59	PSYC1500	Quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ	2	Không	PSYC1840	Không
60	PSYC1123	Trò chơi & sinh hoạt tập thể	2	Không	Không	Không
61	PSYC1747	CTXH với người khuyết tật	2	Không	PSYC1840	Không
62	PSYC1844	CTXH với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2	Không	PSYC1840	Không

**3. HỌC PHẦN THỰC HÀNH, THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP (12TC)**

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP tiên quyết	HP học trước	HP hỗ trợ/song hành
63	PSYC1745	Thực hành nghề nghiệp CTXH với nhóm	3	PSYC1415	Không	Không
64	PSYC1746	Thực hành nghề nghiệp CTXH với cộng đồng	3	PSYC1411	Không	Không
65	PSYC1456	Thực tập nghề nghiệp CTXH	6	Theo quy chế thực tập của Trường	PSYC1744 PSYC1745 PSYC1746	Không
<b>4. HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP (6TC)</b>						
Người học chọn 01 trong 02 hình thức sau:						
- <b>Hình thức 1:</b> Thực hiện một khóa luận (6 TC)						
66	PSYC1755	Khoá luận tốt nghiệp	6	Theo quy chế của Trường	PSYC1841	Không
- <b>Hình thức 2:</b> Thực hiện một hồ sơ tốt nghiệp (3 TC) và một sản phẩm nghiên cứu khoa học (3 TC).						
67	PSYC1756	Hồ sơ tốt nghiệp	3	Không	PSYC1744 PSYC1745 PSYC1746	Không
68	PSYC1757	Sản phẩm nghiên cứu khoa học	3	Không	PSYC1841	Không
<b>Tổng cộng: 124 tín chỉ.</b>						

**Ghi chú:**

- Số tín chỉ có kí hiệu \*\*: Không tính vào tổng số tín chỉ toàn khóa học.

- Số tín chỉ có kí hiệu \* và \*\*: Không tính vào điểm trung bình chung học kì và toàn khóa học.

**3. KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Tự chọn	HP tiên quyết	HP học trước	HP hỗ trợ/song hành	Đơn vị quản lí chương trình
<b>Học kì 1 (Tổng cộng: 16TC, bao gồm 16TC bắt buộc)</b>							
PHYL2401	Giáo dục thể chất 1	1*		Không	Không	Không	K.GDTC
MILI2701	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3**		Không	Không	Không	K.GDQP
POLI2001	Triết học Mác – Lênin	3		Không	Không	Không	K.GDCT
POLII903	Pháp luật đại cương	2		Không	Không	Không	K.GDCT
PSYC1001	Tâm lý học đại cương	2		Không	Không	Không	K.TLH
PSYC1409	Logic học đại cương	2		Không	Không	Không	K.TLH
PSYC1840	Nhập môn CTXH	2		Không	Không	Không	K.TLH
PSYC1402	Lý thuyết CTXH	3		Không	Không	Không	K.TLH
PSYC1408	Hành vi con người và môi trường XH	2		Không	Không	Không	K.TLH
<b>Học kì 2 (Tổng cộng: 15TC, bao gồm 11TC bắt buộc, 4 TC tự chọn)</b>							
PHYL2	Giáo dục thể chất 2	1*		Không	Không	Không	K.GDTC
MILI2702	Công tác quốc phòng và an ninh	2**		Không	Không	Không	K.GDQP
POLI2002	Kinh tế chính trị học Mác – Lênin	2		Không	POLI2001	Không	K.GDCT



COMP1815	Ứng dụng CNTT trong môi trường làm việc	2		Không	Không	Không	
PSYC2804	Phương pháp NCKH	2		Không	Không	Không	K.TLH
PSYC1438	Tâm lý học trẻ em	3		Không	PSYC1001	Không	K.TLH
PSYC1422	An sinh XH	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
<b>Người học chọn 4 tín chỉ trong các học phần sau đây:</b>							
EDUC2801	Phương pháp học tập hiệu quả	2		Không	Không	Không	K.KHGD
PSYC1493	Kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề	2		Không	Không	Không	K.TLH
PSYC2801	Kỹ năng làm việc nhóm và tư duy sáng tạo	2		Không	Không	Không	K.TLH
COMP1812	Tri tuệ nhân tạo và định hướng ứng dụng	2		Không	Không	Không	K.TLH
DOMS0	Giáo dục đời sống	2		Không	Không	Không	K.TLH
<b>Học kì 3 (Tổng cộng: 18TC, bao gồm 14TC bắt buộc và 2TC tự chọn)</b>							
PHYL3	Giáo dục thể chất 3	1*		Không	Không	Không	K.GDTC
MILI2703	Quân sự chung	2**		Không	Không	Không	K.GDQP
POLI2003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Không	POLI2001	Không	K.GDCT
PSYC1042	Tâm lý học người trưởng thành	2		Không	PSYC1001	Không	K.TLH
PSYC1841	NCKH trong CTXH	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
PSYC1414	CTXH với cá nhân	3		Không	PSYC1402	Không	K.TLH
PSYC1718	Thống kê ứng dụng trong NCKH xã hội	3		Không	PSYC2804	Không	K.TLH
PSYC1435	Tâm bệnh học trẻ em	2		Không	PSYC1438	Không	K.TLH
PSYC1420	Kỹ năng hỗ trợ nghiệp vụ CTXH	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
<b>Người học chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau đây:</b>							
EDUC1410	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	2		Không	Không	Không	K.KHGD
LITR1912	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2		Không	Không	Không	K.Văn
<b>Học kì 4 (Tổng cộng: 15TC, bao gồm 13TC bắt buộc và 2 TC tự chọn)</b>							
MILI2704	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4**		Không	Không	Không	K.GDQP
POLI2005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Không	POLI2003	Không	K.GDCT
PSYC1415	CTXH với nhóm	3		Không	PSYC1402	Không	K.TLH
PSYC1105	TLH tham vấn	3		Không	PSYC1001	Không	K.TLH
PSYC1440	Nhập môn đánh giá tâm lý	3		Không	PSYC1001	Không	K.TLH
PSYC1413	Chính sách xã hội	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
<b>Người học chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau đây:</b>							
PSYC1125	Kỹ năng giao tiếp - ứng xử	2		Không	Không	Không	K.TLH
PSYC1425	CTXH trong bệnh viện	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
PSYC1429	Giáo dục sức khỏe cộng đồng	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
PSYC1126	Giới và phát triển	2		Không	Không	Không	K.TLH
PSYC1748	Pháp luật trong CTXH	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
PSYC1842	Quản lý trường hợp	2		Không	PSYC1414	Không	K.TLH

<b>Học kì 5 (Tổng cộng: 16TC, bao gồm 14TC bắt buộc và 2TC tự chọn)</b>							
POLI2004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Không	POLI2005	Không	K.GDCT
PSYC1843	Giáo dục kỹ năng sống	3		không	PSYC1840	Không	K.TLH
PSYC1423	Kỹ năng tham vấn tâm lý cơ bản	3		Không	PSYC1105	Không	K.TLH
PSYC1442	CTXH học đường	3		Không	PSYC1105	Không	K.TLH
PSYC1744	Rèn luyện nghiệp vụ CTXH với cá nhân	3		Không	PSYC1414	Không	K.TLH
<b>Người học chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau đây:</b>							
PSYC1125	Kỹ năng giao tiếp - ứng xử	2		Không	Không	Không	K.TLH
PSYC1425	CTXH trong bệnh viện	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
PSYC1429	Giáo dục sức khỏe cộng đồng	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
PSYC1126	Giới và phát triển	2		Không	Không	Không	K.TLH
PSYC1748	Pháp luật trong CTXH	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
PSYC1842	Quản lý trường hợp	2		Không	PSYC1414	Không	K.TLH
<b>Học kì 6 (Tổng cộng: 16TC, bao gồm 14TC bắt buộc và 2TC tự chọn)</b>							
PSYC1418	Quản trị ngành CTXH	2		Không	PSYC1415	Không	K.TLH
PSYC1742	CTXH trẻ em và gia đình	3		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
PSYC1411	Phát triển cộng đồng	3		Không	PSYC1402	Không	K.TLH
PSYC1452	Tham vấn học đường	3		Không	PSYC1105	Không	K.TLH
PSYC1745	Thực hành nghề nghiệp CTXH với nhóm	3		PSYC1415	Không	Không	K.TLH
<b>Người học chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau đây:</b>							
PSYC1449	Tham vấn khủng hoảng	2		Không	PSYC1105	Không	K.TLH
PSYC1500	Quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
PSYC1123	Trò chơi & sinh hoạt tập thể	2		Không	Không	Không	K.TLH
PSYC1747	CTXH với người khuyết tật	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
PSYC1844	CTXH với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
<b>Học kì 7 (Tổng cộng: 16TC, bao gồm 14TC bắt buộc và 2TC tự chọn)</b>							
PSYC2803	Khởi nghiệp	2		Không	Không	Không	K.TLH
PSYC1445	Tâm lý học trị liệu	3		Không	Không	Không	K.TLH
PSYC1749	Xây dựng và quản lý dự án trong CTXH	3		Không	PSYC1415	Không	K.TLH
PSYC1750	CTXH với nhóm dễ tổn thương	3		Không	PSYC1415	Không	K.TLH
PSYC1746	Thực hành nghề nghiệp CTXH với cộng đồng	3		PSYC1411	Không	Không	K.TLH
<b>Người học chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau đây:</b>							
PSYC1449	Tham vấn khủng hoảng	2		Không	PSYC1105	Không	K.TLH
PSYC1500	Quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
PSYC1123	Trò chơi & sinh hoạt tập thể	2		Không	Không	Không	K.TLH
PSYC1747	CTXH với người khuyết tật	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH
PSYC1844	CTXH với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2		Không	PSYC1840	Không	K.TLH

<b>Học kì 8 (Tổng cộng: 12TC, bao gồm 12TC bắt buộc)</b>							
Người học chọn 01 trong 02 hình thức sau: - <b>Hình thức 1:</b> Thực hiện một khóa luận (6 TC)							
PSYC1755	Khóa luận tốt nghiệp	6		Theo quy chế của Trường			K.TLH
- <b>Hình thức 2:</b> Thực hiện một hồ sơ tốt nghiệp (3 TC) và một sản phẩm nghiên cứu khoa học (3 TC).							
PSYC1756	Hồ sơ tốt nghiệp	3		Không	PSYC1744 PSYC1745 PSYC1746	Không	K.TLH
PSYC1757	Sản phẩm nghiên cứu khoa học	3		Không	PSYC1841	Không	K.TLH
PSYC1456	Thực tập nghề nghiệp CTXH	6		Theo quy chế thực tập của Trường	PSYC1744 PSYC1745 PSYC1746	Không	K.TLH

#### **4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN**

##### **1. Triết học Mác - Lênin**

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: POLI2001
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Học phần gồm có 3 phần. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua việc cung cấp cho người học những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin, học phần giúp người học xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. Trên cơ sở này, người học vận dụng được triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.

##### **2. Kinh tế chính trị học Mác - Lê nin**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: POLI2002
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: POLI2001
- Học phần song hành: Không

Học phần gồm có 6 phần lý thuyết. Đây là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần này, người học lĩnh hội những nội dung cơ bản về phương

thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học nhận thức được trách nhiệm đối với bản thân và trách nhiệm với Tổ quốc; tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

### **3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: POLI2003
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: POLI2001
- Học phần song hành: Không

Học phần gồm có 6 phần. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học được trang bị những tri thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở này, người học củng cố niềm tin vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, củng cố lòng yêu nước và bước đầu có khả năng nhận biết, phản đối các luận điệu xuyên tạc về chủ nghĩa xã hội, tuân thủ, chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, thân thiện, lành mạnh và tạo động lực cho người học với sự tham gia của các bên có liên quan.

### **4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: POLI2004
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: POLI2005
- Học phần song hành: Không

Học phần gồm 3 phần lý thuyết. Đây là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học hiểu biết về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội

chủ nghĩa của Đảng. Trên cơ sở này, người học có thể vận dụng kiến thức lịch sử Đảng vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn và hình thành ý thức, trách nhiệm chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

### **5. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: POLI2005
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: POLI2003
- Học phần song hành: Không

Học phần gồm có 6 phần lý thuyết và 1 phần thực tế. Đây là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học khám phá cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người. Trên cơ sở này, người học phân tích được nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, biết trân trọng, phát huy những giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cuộc sống và hình thành ý thức, trách nhiệm chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

### **6. Pháp luật đại cương**

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: POLI1903
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Học phần gồm có 8 phần. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất và đặc trưng của nhà nước và pháp luật; nội dung cơ bản của Hiến pháp Việt Nam; quy phạm pháp luật; khái quát về một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học tuân thủ, chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời thể hiện được tinh thần trách nhiệm của người công dân toàn cầu với tinh thần quan tâm, chia sẻ và giúp đỡ mọi người.

### **7. Tâm lý học đại cương**

- Số tín chỉ: 2 tín chỉ

- Mã học phần: PSYC1001
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Học phần Tâm lý học đại cương bao gồm 7 phần lý thuyết và 6 bài tập nhóm, 2 bài kiểm tra trắc nghiệm (giữa kì và cuối kì). Học phần này là học phần chung bắt buộc trong nhóm các học phần nền tảng. Thông qua học phần này, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về bản chất, đặc điểm các hiện tượng tâm lý và các quy luật tâm lý của con người (nhận thức, tình cảm, ý chí, hành động và nhân cách...). Trên cơ sở đó, người học vận dụng kiến thức vào thực tế để nhận diện, phân biệt và giải thích được các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người, góp phần định hướng cho hoạt động của người học.

### **8. Giáo dục thể chất 1**

- Số tín chỉ: 1
- Mã học phần: PHYL2401
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không

Học phần Giáo dục Thể chất học phần 1 gồm 2 phần: lý thuyết và thực hành. Học phần giúp người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về rèn luyện thể chất và tập luyện thể dục thể thao thông qua các bài tập thể dục phát triển chung, bài tập thể lực, chạy cự li ngắn. Trên cơ sở đó người học vận dụng vào kỹ năng vận động trong cuộc sống, tự rèn luyện nâng cao sức khỏe trong học tập và rèn luyện thể chất.

### **9. Giáo dục thể chất 2**

- Số tín chỉ: 1
- Mã học phần: PHYL2
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không

Học phần Giáo dục Thể chất 2 gồm hai phần: lí thuyết và thực hành. Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về lịch sử, kỹ thuật một môn Thể thao (đặc điểm, tính chất tác dụng, nguyên lý kỹ thuật động tác cơ bản). Trên cơ sở đó người học vận dụng kiến thức trong việc tập luyện một môn Thể thao ở cấp độ đơn giản để nâng cao sức khỏe trong học tập và rèn luyện thể chất.

### **10. Giáo dục thể chất 3**

- Số tín chỉ: 1
- Mã học phần: PHY3
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không

Học phần Giáo dục Thể chất 3 gồm hai phần: lí thuyết và thực hành. Học phần giúp người học lĩnh hội kiến thức nâng cao một môn Thể thao (đặc điểm, phương pháp tập luyện và thi đấu một môn Thể thao). Trên cơ sở những kiến thức lĩnh hội của học phần, người học có khả năng tự tổ chức tập luyện kỹ chiến thuật một môn Thể thao cũng như vận dụng vào thi đấu, rèn luyện sức khỏe thể chất.

### **11. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt nam**

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: MILI 2701
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Học phần gồm có 11 phần lý thuyết và 4 bài thảo luận. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cơ sở này, người học phân tích được những đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quốc phòng và an ninh, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, góp phần bảo vệ an ninh Tổ quốc.

## **12. Công tác quốc phòng và an ninh**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: MILI2702
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Học phần gồm 7 phần lý thuyết và 4 bài thảo luận. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học lĩnh hội được những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh, phân tích được những quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quốc phòng và an ninh. Trên cơ sở đó, người học chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng vào việc phòng chống một số loại tội phạm trong tình hình mới.

## **13. Quân sự chung**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: MILI2703
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Học phần gồm có 6 phần lý thuyết và 2 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học lĩnh hội các chế độ sinh hoạt, học tập công tác ngày, tuần; thực hiện các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; thực hiện Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Đội ngũ đơn vị và sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; Ba môn quân sự phối hợp; Hiểu biết chung về các Quân, Binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam. Trên cơ sở này, người học có trách nhiệm với bản thân, học sinh, gia đình, nhà trường và xã hội, trách nhiệm công dân với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## **14. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật**

- Số tín chỉ: 4
- Mã học phần: MILI2704
- Nhóm học phần: Nền tảng



- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Học phần gồm có 5 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học lĩnh hội những kiến thức kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, sử dụng một số loại lựu đạn thông thường; thực hành các bài chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự, từng người làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác. Trên cơ sở này, người học có trách nhiệm với bản thân, học sinh, gia đình, nhà trường và xã hội, trách nhiệm công dân với nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **15. Ngoại ngữ**

- Số tín chỉ: 4
- Mã học phần:
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Học phần ngoại ngữ bao gồm 4 chủ đề với đủ 4 kỹ năng là Nghe-Nói, Đọc-Viết. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học được trang bị những kỹ năng cần thiết cho việc nghe, nói, đọc, viết ngoại ngữ ở trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp người học hiểu thêm về văn hóa của các nước nói ngoại ngữ. Trên cơ sở này, người học có khả năng sử dụng ngoại ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để giao tiếp và thực hiện các hoạt động chuyên môn.

### **16. Phương pháp học tập hiệu quả**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: EDUC2801
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Học phần gồm có 4 phần lý thuyết và 4 bài thực hành. Học phần này là học phần tự chọn trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học hiểu về tầm quan trọng

của kỹ năng học tập, các đặc điểm và hệ thống kỹ năng học tập. Trên cơ sở đó, người học thực hiện các bài thực hành để rèn luyện và phát triển kỹ năng học tập nhằm tổ chức hoạt động học tập của bản thân và phối hợp với người khác hiệu quả trong học tập, góp phần phát huy tính tích cực trong học tập.

### **17. Kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: PSYC1900
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Học phần này bao gồm 2 phần lý thuyết và 4 bài thực hành, là học phần tự chọn trong nhóm học phần nền tảng. Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng để rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho người học: kỹ năng thích ứng và kỹ năng giải quyết vấn đề. Bao gồm các nội dung liên quan đến vai trò của kỹ năng, quy trình, các bước và cách thức rèn luyện các kỹ năng này. Học phần có các nội dung thực hành xen kẽ lý thuyết nhằm giúp người học vận dụng được các thao tác, hành vi liên quan đến kỹ năng để xử lý các tình huống giả định và liên hệ với thực tiễn trong công việc và cuộc sống. Trên cơ sở này, người học có khả năng giải quyết được vấn đề hiệu quả hơn và thể hiện sự thích ứng với hoàn cảnh mới, với công việc, với các mối quan hệ khác.

### **18. Kỹ năng làm việc nhóm và tư duy sáng tạo**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: PSYC1901
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Học phần kỹ năng làm việc nhóm và tư duy sáng tạo bao gồm 2 phần lý thuyết và 4 bài thực hành, là học phần tự chọn trong nhóm học phần nền tảng. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho người học: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo. Bao gồm vai trò của kỹ năng, kỹ năng thành phần của kỹ năng làm việc nhóm, kỹ thuật tư duy sáng tạo và biện pháp rèn luyện

cho mỗi kỹ năng. Trên cơ sở đó, người học vận dụng được các kỹ năng mềm này để tham gia, tổ chức nhóm hiệu quả và sử dụng các nguồn lực của bản thân và nhóm để giải quyết vấn đề mới mẻ, độc đáo hơn.

### **19. Trí tuệ nhân tạo và định hướng ứng dụng**

- Số tín chỉ: 2
- Nhóm học phần:
- Mã học phần: COMP1812
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần hỗ trợ/song hành: không

Đây là học phần tự chọn thuộc khối học phần nền tảng dành cho người học các ngành ngoài ngành đào tạo giáo viên. Học phần gồm 3 phần có kết hợp lý thuyết và thực hành, cung cấp cho người học những kiến thức chung về ứng dụng CNTT và ảnh hưởng của nó đến các hoạt động trong đời sống. Học phần giúp người học có khả năng ứng dụng CNTT để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn và định hướng việc ứng dụng CNTT phù hợp theo nhu cầu.

### **20. Giáo dục đời sống**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: DOMS0
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Nhóm học phần Giáo dục đời sống gồm các học phần gắn liền với cuộc sống như: Kỹ thuật chế biến các món ăn; Kỹ thuật làm bánh; Kỹ thuật cắt may; Kỹ thuật trang điểm; Kỹ thuật làm các loại hoa giả từ các nguyên liệu khác nhau (giấy nhún, vải voan); Kỹ thuật cắt tỉa rau củ trang trí món ăn.... Học phần này là học phần tự chọn trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua những học phần Giáo dục đời sống người học lĩnh hội được những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong cuộc sống nhằm tự phục vụ cho bản thân và gia đình.

## **21. Logic học đại cương**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: PSYC1409
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Học phần logic học đại cương cung cấp hệ thống kiến thức về các hình thức tư duy, các quy luật và quy tắc của tư duy logic để người học phát hiện và phòng tránh những lỗi logic trong quá trình tư duy của bản thân và của người khác

## **22. Giáo dục vì sự phát triển bền vững**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: EDUC1410
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không.
- Học phần học trước: EDUC2802
- Học phần hỗ trợ/song hành: không

Học phần có ba nội dung, trong đó, có hai nội dung lí thuyết và một nội dung thực hành. Đây là học phần tự chọn, thuộc nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần này, người học lĩnh hội hệ thống kiến thức về phát triển bền vững; mục tiêu, nội dung và tiếp cận giáo dục vì sự phát triển bền vững; giáo dục vì sự phát triển bền vững; và đồng thời, có thể phát triển năng lực xây dựng các chủ đề giáo dục vì sự phát triển bền vững cho đối tượng học sinh THCS/THPT. Học phần đóng góp vào việc hình thành và phát triển phẩm chất trách nhiệm của người công dân toàn cầu và trách nhiệm bản thân với các vấn đề về phát triển bền vững của người học.

## **23. Cơ sở văn hoá Việt Nam**

- Số tín chỉ: 2 TC
- Mã học phần: LITR1912
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần hỗ trợ/song hành: không

Học phần gồm 3 chương, thuộc nhóm học phần nền tảng. Đây là học phần cơ sở ngành thuộc nhóm học phần chuyên môn giúp người học hiểu những khái niệm về văn hóa nói

chung và về văn hóa Việt Nam; về hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng. Học phần cũng giúp người học biết cách tiếp cận, tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt Nam; biết phân tích, đánh giá được những giá trị truyền thống văn hóa Việt.

#### **24. Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu KHXH**

- Số tín chỉ: 3 TC
- Mã học phần: PSYC1718
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: PSYC2804
- Học phần song hành: Không

Học phần thống kê ứng dụng trong nghiên cứu CTXH thuộc học phần bắt buộc trong nhóm nền tảng. Nội dung chính gồm 7 phần lý thuyết và 1 phần thực hành. Học phần nhằm trang bị những kiến thức về tổng quan phân mềm thống kê, cách thức chuẩn bị một tập tin, cách tính các số thống kê mô tả, cách kiểm nghiệm các giả thuyết và sử dụng công cụ đánh giá. Người học có thể thiết kế xử lý số liệu, phân tích thông tin theo yêu cầu. Người học có thể vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết bài báo khoa học, thực hiện nghiên cứu khoa học bậc đại học.

#### **25. Nhập môn đánh giá tâm lý**

- Số tín chỉ: 3 TC
- Mã học phần: PSYC1440
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Tâm lý học đại cương
- Học phần song hành: Không

Học phần Nhập môn đánh giá tâm lý là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Nội dung bao gồm 3 phần lý thuyết và các bài thực hành. Học phần trang bị kiến thức về đánh giá tâm lý, quy trình đánh giá tâm lý, các công cụ, các phương pháp đo lường tâm lý và cách trình bày một báo cáo đánh giá. Trên nền tảng này, người học vận dụng để tổ chức thực hiện được một số buổi đánh giá bằng phỏng vấn, quan sát và trắc

nghiệm, có năng lực diễn giải thông tin thu được và viết một báo cáo đánh giá tâm lý hoàn chỉnh cũng như đưa ra những gợi ý can thiệp và hỗ trợ phù hợp.

## **26. Nhập môn Công tác xã hội**

- Số tín chỉ: 2 TC
- Mã học phần: PSYC1840
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Nhập môn CTXH là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Nội dung gồm có 6 phần lý thuyết và 2 bài thực hành. Người học được trang bị kiến thức chung về CTXH như lịch sử hình thành và phát triển; các khái niệm cơ bản; Đặc trưng của CTXH: Những phẩm chất và năng lực đặc thù của nhân viên CTXH; Các quy điều đạo đức của nhân viên CTXH. Người học có khả năng phân tích các vấn đề xã hội, các trường hợp điển cứu trong lĩnh vực CTXH.

## **27. Tâm lý học trẻ em**

- Số tín chỉ: 3 TC
- Mã học phần: PSYC1438
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Tâm lý học đại cương
- Học phần song hành: Không

Tâm lý học trẻ em là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Nội dung bao gồm 7 phần lý thuyết và 2 bài thực hành. Học phần giúp người học lĩnh hội những vấn đề chung về sự phát triển tâm lý trẻ em, các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển tâm lý trẻ em dựa trên các dòng lý thuyết phát triển. Người học còn được trang bị các đặc điểm tâm lý phổ quát trẻ em như sự phát triển thể chất, vận động, nhận thức - ngôn ngữ, tình cảm - nhân cách, hoạt động chủ đạo tương ứng mỗi giai đoạn lứa tuổi (từ thai nhi đến 18 tuổi). Vận dụng lý thuyết để nhận diện biểu hiện tâm lý ở trẻ, giải thích các hiện tượng tâm lý của trẻ và chọn cách giao tiếp, tác động giáo dục phù hợp trong giao tiếp với trẻ.

## **28. Tâm lý học người trưởng thành**

- Số tín chỉ: 2 TC
- Mã học phần: PSYC1042
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Tâm lý học đại cương
- Học phần song hành: Không

Tâm lý học người trưởng thành là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Nội dung bao gồm 4 phần lý thuyết và 2 bài thực hành. Học phần trang bị những kiến thức về những đặc điểm tâm lý chung của người tuổi trưởng thành trẻ tuổi, trung niên, người cao tuổi; Những biểu hiện cụ thể về sự phát triển thể chất, nhận thức, tình cảm, các mối quan hệ, nhân cách, các hoạt động của người trưởng thành. Người học có thể nhận diện, giải thích các hiện tượng tâm lý của người trưởng thành nói chung và người trưởng thành trong mối quan hệ với trẻ em. Từ đó, người học biết cách giao tiếp và ứng xử phù hợp với các đối tượng ở độ tuổi này.

## **29. Tâm lý học tham vấn**

- Số tín chỉ: 3 TC
- Mã học phần: PSYC1405
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Tâm lý học đại cương
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Tâm lý học tham vấn là học phần bắt buộc nằm trong nhóm nền tảng. Nội dung gồm có 5 phần gồm: Đặc trưng của công việc tham vấn tâm lý; Những năng lực và phẩm chất cần thiết đối với người làm công việc tham vấn tâm lý; Tiến trình tham vấn và các hướng tiếp cận tham vấn. Đặc biệt ở phần 5 có giới thiệu các mẫu hồ sơ cần thiết cho công việc trị liệu. Trên cơ sở lý thuyết, người học có thể lý giải cách tiếp cận tham vấn tâm lý khi gặp các trường hợp thân chủ; Áp dụng công cụ để vẽ sơ đồ gia phả hoặc dòng thời gian cho hồ sơ thân chủ; Xây dựng được phác đồ tham vấn tâm lý và thiết lập những mẫu báo cáo cần thiết trong công việc tham vấn tâm lý.

### **30. Hành vi con người và môi trường xã hội**

- Số tín chỉ: 2TC
- Mã học phần: PSYC1408
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Nhập môn nghề công tác xã hội (PSYC1754)
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Hành vi con người và môi trường xã hội là học phần bắt buộc nằm trong nhóm nền tảng. Nội dung bao gồm 4 phần lý thuyết và 4 phần bài tập. Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về tính phổ biến trong hành vi con người qua các giai đoạn phát triển, tính đặc trưng của hành vi con người thể hiện qua các lý thuyết tâm động học, thuyết hành vi, lý thuyết hệ thống xã hội và cuối cùng là thuyết về hành vi bất thường. Người học có thể vận dụng được kiến thức để giúp đỡ và hỗ trợ thân chủ trong hoạt động CTXH.

### **31. Tâm bệnh học trẻ em**

- Số tín chỉ: 2 TC
- Mã học phần: PSYC1425
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Tâm lý học trẻ em
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Học phần tâm bệnh học trẻ em là học phần bắt buộc thuộc nhóm nền tảng. Nội dung bao gồm có 4 phần: Cơ sở khoa học của tâm bệnh học trẻ em; Khái quát về tâm bệnh; Một số rối loạn tâm lý thường gặp; Một số rối loạn tâm lý ở trẻ em. Học phần này giúp người học lĩnh hội các khái niệm cơ bản của Tâm bệnh học trẻ em và phân loại tâm bệnh trong các hệ thống khác nhau, đặc biệt là ở đối tượng trẻ em. Trên cơ sở đó, người học có thể phát hiện và phân tích các biến đổi của lệch lạc thuộc phạm vi bình thường và thuộc phạm vi bệnh lý; áp dụng hệ thống phân loại DSM trong việc đánh giá các trường hợp lâm sàng và xây dựng các chiến lược can thiệp cũng như phòng ngừa tâm bệnh thích hợp và hiệu quả trên đối tượng trẻ em.

### **32. An sinh xã hội**

- Số tín chỉ: 2TC



- Mã học phần: PSYC1422
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Nhập môn công tác xã hội (PSYC1754)
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

An sinh xã hội là học phần bắt buộc thuộc nhóm nền tảng. Học phần này bao gồm 3 phần. Phần 1 trình bày lý luận chung về an sinh xã hội, phần 2 trình bày về lịch sử phát triển và chức năng của an sinh xã hội, phần 3 trình bày những vấn đề xã hội dưới góc nhìn của an sinh xã hội. Học phần trang bị những kiến thức về an sinh xã hội và các chương trình liên quan đến an sinh xã hội để giải quyết những vấn đề hiện nay.

### **33. Chính sách xã hội**

- Số tín chỉ: 2 TC
- Mã học phần: PSYC1413
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Nhập môn công tác xã hội (PSYC1754)
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Chính sách xã hội là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Học phần bao gồm 3 phần. Phần 1 là nội dung về lý luận chung về chính sách phúc lợi xã hội. Phần 2 là nội dung về những yếu tố cấu thành nên chính sách phúc lợi xã hội. Cuối cùng phần 3 gồm nội dung về phân tích và đánh giá mô hình chính sách phúc lợi xã hội. Mục tiêu của học phần nhằm cung cấp những kiến về chính sách phúc lợi xã hội. Trên cơ sở lý thuyết, người học có thể vận dụng để giúp đỡ và hỗ trợ thân chủ trong hoạt động CTXH.

### **34. Lý thuyết công tác xã hội**

- Số tín chỉ: 3 TC
- Mã học phần: PSYC1402
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Nhập môn công tác xã hội (PSYC1754)

- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Lý thuyết CTXH là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Nội dung có 9 phần lý thuyết, bao gồm: Khái quát về lý thuyết công tác xã hội, lý thuyết hệ thống, Lý thuyết sinh thái, lý thuyết động năng tâm lý, lý thuyết thân chủ làm trọng tâm, Lý thuyết nhận thức - hành vi trong công tác xã hội, các luận điểm nhân văn và hiện sinh, can thiệp khủng hoảng và những mô hình lấy nhiệm vụ làm trung tâm, quan điểm về trao quyền và biện hộ. Người học có thể áp dụng các mô hình lý thuyết khác nhau trong các trường hợp can thiệp với cá nhân, nhóm, cộng đồng.

### **35. Công tác xã hội với cá nhân**

- Số tín chỉ: 3 TC

- Mã học phần: PSYC1414

- Nhóm học phần: Nền tảng

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Lý thuyết công tác xã hội (PSYC1402)

- Học phần song hành: Không

Công tác xã hội cá nhân là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Học phần CTXH cá nhân gồm có 4 phần lý thuyết và 1 phần bài tập thực hành. Học phần này giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản lịch sử hình thành và phát triển CTXH cá nhân; Đặc trưng của CTXH cá nhân; Tiến trình CTXH cá nhân; Các kỹ năng, kỹ thuật cần thiết khi thực hành nghiệp vụ CTXH với cá nhân. Người học có thể tìm hiểu nhu cầu, lý giải được vấn đề và xây dựng kế hoạch hỗ trợ cá nhân trong lĩnh vực CTXH.

### **36. Công tác xã hội với nhóm**

- Số tín chỉ: 3 TC

- Mã học phần: PSYC1415

- Nhóm học phần: Nghiệp vụ

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Lý thuyết công tác xã hội (PSYC1402)

- Học phần song hành: Không

Công tác xã hội nhóm là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Học phần gồm có 6 phần lý thuyết và 2 phần thực hành. Học phần nhằm trang bị những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển CTXH nhóm, vị trí, khái niệm và đặc trưng của CTXH nhóm; Kỹ năng và kỹ thuật sử dụng trong CTXH nhóm; Tiến trình CTXH nhóm; Phân tích được đặc điểm tâm lý- xã hội của nhóm có nhu cầu CTXH; Xây dựng được kế hoạch hỗ trợ cho nhóm.

### **37. Phát triển cộng đồng**

- Số tín chỉ: 3 TC
- Mã học phần: PSYC1411
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Lý thuyết công tác xã hội (PSYC1402)
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Phát triển cộng đồng là học phần bắt buộc nằm trong nhóm học phần nền tảng. Nội dung gồm 4 phần lý thuyết và 1 phần thực hành. Học phần trình bày những kiến thức khái quát về cộng đồng và CTXH với cộng đồng; Vai trò và nguyên tắc hoạt động với cộng đồng; Cơ sở lý thuyết trong phát triển cộng đồng; Tiến trình phát triển cộng đồng. Từ đó, thiết kế chiến lược, chương trình dự án phát triển cộng đồng và lập kế hoạch triển khai chiến lược một chương trình dự án phát triển cộng đồng. Học phần cũng nêu rõ các thái độ và nguyên tắc đạo đức trong CTXH với cộng đồng cần phải tuân theo.

### **38. Nghiên cứu khoa học trong công tác xã hội**

- Số tín chỉ: 2 TC
- Mã học phần: PSYC1841
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Nhập môn công tác xã hội (PSYC1754)
- Học phần song hành: Không

Học phần nghiên cứu khoa học trong CTXH là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Nội dung chính gồm có 3 phần, chủ yếu tập trung vào những hướng dẫn thực hành trong nghiên cứu định tính và định lượng; Các phương pháp trình bày một báo cáo

nghiên cứu trong CTXH; Các loại nghiên cứu thường gặp trong CTXH; Cách thực hành các nghiên cứu nhỏ theo các chủ đề mà nhóm tự chọn trong quá trình học tập.

### **39. Kỹ năng hỗ trợ nghiệp vụ công tác xã hội**

- Số tín chỉ: 2 TC
- Mã học phần: PSYC1420
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Nhập môn công tác xã hội (PSYC1754)
- Học phần song hành: Không

Đây là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần nghiệp vụ nghề nghiệp. Nội dung gồm có 3 phần lý thuyết và 2 phần thực hành. Người học được trang bị những lý luận nâng cao trong thực hành nghề CTXH. Trong hai phần đầu tập trung mô tả bản chất, các tiêu chuẩn về nghiệp vụ CTXH, hệ thống các kỹ năng nghề nghiệp. Phần 3 chú trọng rèn luyện kỹ năng thực hành tích hợp trong giải quyết vấn đề, biện hộ, vận động và truyền thông. Những kỹ năng hỗ trợ này, không những sẽ giúp người học hoàn thành những nhiệm vụ trong thực hành, thực tập, mà còn có thể vận dụng để giải quyết nhiệm vụ CTXH đặt ra trong thực tế công việc.

### **40. Kỹ năng giao tiếp - ứng xử**

- Số tín chỉ: 2 TC
- Mã học phần: PSYC1125
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Kỹ năng giao tiếp ứng xử là học phần tự chọn bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng, bao gồm 6 phần nội dung và các bài thực hành. Học phần giúp người học tiếp thu những tri thức và các kỹ năng giao tiếp - ứng xử cụ thể với các cá nhân cũng như với nhóm, với tổ chức, kết hợp với thực hành giải quyết các tình huống giao tiếp - ứng xử trong cuộc sống, trong công việc. Từ đó, người học rèn luyện, cải thiện kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong đời sống và công việc.

#### **41. Công tác xã hội trong bệnh viện**

- Số tín chỉ: 2 TC
- Mã học phần: PSYC1425
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Nhập môn công tác xã hội (PSYC1754)
- Học phần song hành: Không

CTXH trong bệnh viện là học phần tự chọn bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng, gồm có 4 phần. Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản của CTXH trong môi trường bệnh viện như: khái niệm, chức năng, nguyên tắc, nhiệm vụ... của CTXH trong bệnh viện; Vai trò, nhiệm vụ của nhân viên CTXH trong bệnh viện như thực hiện tiến trình CTXH với cá nhân hoặc nhóm bệnh nhân, phối hợp với lực lượng y tế để chăm sóc người bệnh. Ngoài ra, người học còn được trang bị những kỹ năng cơ bản để có thể tham gia thực hành, thực tập CTXH trong bệnh viện.

#### **42. Giáo dục sức khỏe cộng đồng**

- Số tín chỉ: 2 TC
- Mã học phần: PSYC1429
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Nhập môn công tác xã hội (PSYC1754)
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Giáo dục sức khỏe cộng đồng là học phần tự chọn bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng, gồm 3 phần nội dung và các bài thực hành. Học phần đề cập đến một số vấn đề chung về giáo dục sức khỏe cộng đồng và mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục sức khỏe cho cộng đồng; Một số vấn đề sức khỏe trong cộng đồng; CTXH trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Người học có thể đề xuất kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.

#### **43. Giới và phát triển**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: PSYC1126

- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Giới và phát triển là học phần tự chọn bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng, gồm 5 phần lý thuyết và thực hành Học phần mô tả các vấn đề về giới và phát triển dưới góc nhìn xã hội; Mối quan hệ giữa giới và phát triển giới; Vai trò của giới, nhu cầu và lợi ích của giới; Vấn đề bình đẳng giới; Các phân tích giới trong các dự án CTXH. Từ đó, giúp người học có nhận thức và định hướng hoạt động phù hợp khi tiếp cận với những vấn đề và con người liên quan đến giới và phát triển giới.

#### **44. Pháp luật trong công tác xã hội**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: PSYC1748
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Nhập môn công tác xã hội (PSYC1754)
- Học phần song hành: Không

Pháp luật trong CTXH thuộc học phần tự chọn bắt buộc của nhóm học phần nền tảng. Học phần này bao gồm 2 phần lý thuyết và 1 phần thực hành. Học phần đề cập đến các quy định của pháp luật có liên quan đến dịch vụ CTXH như: Luật phòng chống Bạo lực gia đình; Luật trẻ em; Luật giáo dục. Người học vận dụng được những kiến thức đã nêu vào công việc biện hộ cho quyền lợi chính đáng của thân chủ. Người học còn có thể tư vấn pháp luật có liên quan đến đối tượng có nhu cầu trợ giúp cho chính quyền địa phương, nhà quản lý và các lực lượng có liên quan khác.

#### **45. Quản lý trường hợp**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: PSYC1842
- Nhóm học phần: Học phần nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Công tác xã hội với cá nhân
- Học phần song hành: Không

Quản lý trường hợp thuộc học phần tự chọn bắt buộc của nhóm học phần nền tảng. Nội dung chính bao gồm 4 phần. Học phần mô tả các kiến thức về quản lý ca trong CTXH như: Thiết lập mục tiêu, xây dựng kế hoạch, giám sát kế hoạch, lượng giá hay đánh giá. Người học có thể nhận diện vấn đề cần can thiệp, đánh giá nguy cơ, điều phối và tiến hành giám sát, lưu trữ và ghi chép hồ sơ lưu trữ ca, tiến hành giám sát ca trong CTXH.

#### **46. Khởi nghiệp**

- Số tín chỉ: 2 tín chỉ
- Mã học phần: PSYC2803
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Tâm lý học đại cương
- Học phần song hành: Không

Học phần Khởi nghiệp dành cho sinh viên ngoài sư phạm bao gồm 5 phần lý thuyết và 6 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ chung cho khối ngành ngoài sư phạm. Thông qua học phần, người học lĩnh hội những tri thức cơ bản về khởi nghiệp, ý tưởng, cơ hội khởi nghiệp, đồng thời cũng lĩnh hội được các kỹ năng khởi nghiệp như xây dựng mô hình kinh doanh; tạo lập tổ chức; huy động vốn khởi nghiệp. Trên cơ sở này người học vận dụng vào thực tiễn để phân tích được một số mô hình kinh doanh khởi nghiệp, xây dựng đội, nhóm cùng khởi nghiệp và biết cách nhận diện, huy động nguồn vốn hỗ trợ cho quá trình khởi nghiệp.

#### **47. Phương pháp NCKH**

- Số tín chỉ: 2 tín chỉ
- Mã học phần: PSYC2804
- Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Nhóm học phần: Học phần nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học gồm 4 phần lý thuyết và 2 bài thực hành. Học phần này giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một

công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, cách thức xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; cách trình bày một báo cáo khoa học; cách viết một công trình khoa học. Trên cơ sở này, người học bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học, vận dụng để viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết bài báo khoa học, tổ chức và triển khai một công trình nghiên cứu khoa học phù hợp với khả năng.

#### **48. Ứng dụng công nghệ thông tin trong môi trường làm việc**

- Số tín chỉ: 2TC
- Mã học phần: COMP1815
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Học phần gồm có 3 chương lý thuyết và 6 hoạt động thực hành. Đây là học phần thuộc khối học phần nghiệp vụ. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về biên tập ảnh số và video số, làm việc cộng tác trên môi trường Internet, xử lý và phân tích dữ liệu nhằm giúp người học ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong môi trường làm việc cụ thể. Ngoài ra, người học cũng được trang bị một số kỹ năng mềm, bao gồm: kỹ năng viết và trình bày báo cáo, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả.

#### **49. Giáo dục kỹ năng sống**

- Số tín chỉ: 3TC
- Mã học phần: PSYC1843
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: PSYC1754
- Học phần song hành: Không

Học phần Giáo dục kỹ năng sống là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ nghề nghiệp. Thông qua học phần, người học lĩnh hội những tri thức cơ bản về kỹ năng sống, Giáo dục kỹ năng sống và quy trình thiết kế kế hoạch giáo án giáo dục kỹ năng sống. Trên cơ sở này người học vận dụng vào thực tiễn để thiết kế, lên kế hoạch và thực



hiện các giáo án giáo dục kỹ năng sống. Từ đó, góp phần hình thành và phát triển kỹ năng sống cho trẻ em và các đối tượng khác.

### **50. Kỹ năng tham vấn tâm lý cơ bản**

- Số tín chỉ: 3 TC
- Mã học phần: PSYC1423
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Tâm lý học tham vấn
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Học phần kỹ năng tham vấn tâm lý cơ bản là học phần tự chọn bắt buộc, thuộc nhóm nghiệp vụ nghề nghiệp. Nội dung bao gồm ba phần sau: Phần 1. Những vấn đề chung về kỹ năng tham vấn tâm lý cơ bản. Phần 2. Các kỹ năng tham vấn tâm lý cơ bản. Phần 3. Tích hợp các kỹ năng tham vấn cơ bản. Học phần giúp người học lĩnh hội tri thức về hệ thống các kỹ năng cơ bản của tham vấn tâm lý và chú trọng rèn luyện kỹ năng tham vấn cho người học để định hướng ứng dụng trong công việc tham vấn. Trên cơ sở đó, người học vận dụng các kỹ năng tham vấn cơ bản phù hợp để thực hành hiệu quả các ca tham vấn.

### **51. Tham vấn học đường**

- Số tín chỉ: 3TC
- Mã học phần: PSYC1452
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Tâm lý học tham vấn
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Học phần tham vấn học đường là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ, gồm 5 phần nội dung và các bài thực hành như một số vấn đề chung về tham vấn học đường; Nhà tham vấn học đường; Mô hình tham vấn học đường; Quy trình tham vấn học đường; Tổ chức hoạt động tham vấn học đường. Học phần giúp người học có hiểu biết tổng quan về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ của tham vấn học đường, cũng như vai trò chức năng của nhà tham vấn trong trường học, cách tổ chức hoạt động tham vấn học đường. Học phần cũng trang bị cho người học kỹ năng cơ bản về xây dựng chiến lược

tham vấn đối với những vấn đề tâm lý học sinh hay gặp phải trong quá trình học tập tại trường dựa trên các mô hình tham vấn và các liệu pháp tâm lý phù hợp với lứa tuổi học sinh và phù hợp với khung tham vấn học đường.

## **52. Tâm lý học trị liệu**

- Số tín chỉ: 3 TC
- Mã học phần: PSYC1445
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Tâm lý học tham vấn
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Học phần tâm lý học trị liệu nằm trong nhóm học phần nghiệp vụ, bắt buộc. Học phần gồm có 5 phần: Phần 1. Khái quát về tâm lý trị liệu. Phần 2. Những phương pháp và kỹ thuật căn bản trong tiến trình trị liệu tâm lý. Phần 3. Những thành tố then chốt trong trị liệu tâm lý. Phần 4. Tiến trình trị liệu tâm lý. Phần 5. Xây dựng hồ sơ trị liệu (hướng dẫn thiết kế mẫu giấy tờ dùng trong trị liệu tâm lý). Học phần này giúp người học lĩnh hội những tri thức cơ bản về các phương pháp trị liệu tâm lý và ứng dụng các kiến thức và kỹ năng tâm lý học vào việc tiếp cận, quan sát, giao tiếp và giúp đỡ cho những người gặp các vấn đề khó khăn về mặt tâm lý. Trên nền tảng này, người học hiểu được đặc trưng của công việc trị liệu tâm lý, những năng lực và phẩm chất cần thiết đối với người làm công việc trị liệu tâm lý; vận dụng được các học thuyết tham vấn và trị liệu tâm lý trong việc mô tả, nhận diện, phân tích và giải thích cơ chế của các quá trình trị liệu tâm lý; xây dựng được phác đồ trị liệu tâm lý cho thân chủ.

## **53. Công tác xã hội với trẻ em và gia đình**

- Số tín chỉ: 3TC
- Mã học phần: PSYC1742
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Nhập môn công tác xã hội
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Học phần CTXH trẻ em và gia đình là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ, gồm 3 phần lý thuyết và 5 phần thực hành. Học phần mô tả những nền tảng lý luận về trẻ em, gia đình nói chung và trẻ em, gia đình có nhu cầu trợ giúp; Khái quát chung về CTXH với trẻ em, gia đình, những cơ sở lý thuyết của sự hỗ trợ trẻ em, gia đình; các cách thức tiếp cận và các dịch vụ hỗ trợ trẻ em, gia đình; đồng thời rèn luyện các nghiệp vụ CTXH với trẻ em, gia đình trong một số trường hợp trẻ em, gia đình có vấn đề khó khăn điển hình nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ và góp phần giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của trẻ em và gia đình trong vai trò nhân viên CTXH.

#### **54. CTXH học đường**

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: PSYC1442
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Nhập môn công tác xã hội
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Học phần CTXH học đường là học phần bắt buộc trong nhóm nghiệp vụ nghề nghiệp. Nội dung chính bao gồm 6 phần lý thuyết và 2 phần thực hành. Học phần đề cập lần lượt đến các vấn đề chung của CTXH học đường; Các yếu tố ảnh hưởng đến CTXH học đường; Các mô hình CTXH học đường; Các phương pháp và kỹ năng của nhân viên CTXH học đường. Phần thực hành nhấn mạnh đến việc đánh giá vấn đề, lựa chọn công cụ và phương pháp can thiệp phù hợp để giải quyết các nhiệm vụ trong CTXH học đường.

#### **55. Quản trị ngành CTXH**

- Số tín chỉ: 2TC
- Mã học phần: PSYC1418
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Công tác xã hội nhóm (PSYC1415)
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Quản trị ngành CTXH là học phần tự chọn bắt buộc thuộc nhóm nghiệp vụ nghề nghiệp. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức chung về quản trị ngành CTXH; Các lý thuyết nền tảng của quản trị ngành CTXH; Các tổ chức xã hội và CTXH; Mô hình của tổ chức xã hội; Tư cách pháp nhân của tổ chức xã hội; Quy trình trong quản trị ngành CTXH. Từ đó, người học có thể khảo sát nhu cầu, lập kế hoạch, thiết kế và đánh giá các mô hình quản trị CTXH trong bối cảnh hiện nay.

### **56. Xây dựng và quản lý dự án trong công tác xã hội**

- Số tín chỉ: 3 TC
- Mã học phần: PSYC1749
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Công tác xã hội nhóm (PSYC1415)
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Xây dựng dự án trong CTXH là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ nghề nghiệp. Học phần gồm có 5 phần lý thuyết và 2 phần thực hành. Phần 1. Tổng quan về Dự án mô tả các yếu tố cần có của sự hình thành một dự án và các đặc điểm của dự án; Phần 2 cung cấp kiến thức về chu trình dự án, các giai đoạn và các công cụ trong chu trình dự án; Phần 3 giúp người học giúp nâng cao nhận thức về giới trong xây dựng dự án cộng đồng; Phần 4 và 5 giúp người học nhận biết các khía cạnh cần quản lý của một dự án xã hội và một số kỹ năng cần thiết trong quản lý dự án. Phần thực hành chú trọng đến việc xây dựng một quản lý dự án thuộc lĩnh vực CTXH với quy mô phù hợp cũng như xác định được cách thức quản lý dự án theo phương thức hiệu quả.

### **57. Công tác xã hội với nhóm dễ tổn thương**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: PSYC1750
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Công tác xã hội nhóm (PSYC1415)
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Đây là học phần bắt buộc nằm trong nhóm nghiệp vụ nghề nghiệp. Nội dung chủ yếu cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp và kỹ năng thực hành CTXH đối với những nhóm người dễ bị tổn thương. Thông qua việc mô tả những đặc trưng của các đối tượng dễ bị tổn thương, xác định nguồn lực và đề xuất giải pháp phù hợp. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội theo xu hướng phát triển CTXH với các nhóm dễ bị tổn thương này.

### **58. Rèn luyện nghiệp vụ công tác xã hội với cá nhân**

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: PSYC1448
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Công tác xã hội với cá nhân
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Đây là học phần bắt buộc nằm trong nhóm nghiệp vụ nghề nghiệp, gồm ba phần. Phần ôn lại lý thuyết nền tảng để chuẩn bị triển khai thực hành kỹ năng CTXH cá nhân tại cơ sở. Phần 2 nhấn mạnh đến việc ứng dụng những nguyên tắc đạo đức, kỹ năng, kỹ thuật CTXH cá nhân để giải quyết nhiệm vụ thực hành. Cuối cùng là hoàn thành sản phẩm báo cáo, lượng giá và kết thúc tiến trình thực hành.

### **59. Tham vấn khủng hoảng**

- Số tín chỉ: 2 TC
- Mã học phần: PSYC1449
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Tâm lý học tham vấn
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Học phần Tham vấn khủng hoảng là học phần tự chọn bắt buộc, thuộc nhóm học phần nghiệp vụ nghề nghiệp. Nội dung bao gồm 4 phần lý thuyết và 1 phần thực hành: Phần 1. Một số vấn đề chung về khủng hoảng và tham vấn khủng hoảng; Phần 2. Cơ chế tâm lý khi con người rơi vào khủng hoảng; Phần 3. Hướng tiếp cận tâm lý trong tham vấn khủng hoảng; Phần 4. Chiến lược tham vấn khủng hoảng. Học phần giúp người học lĩnh

hội những kiến thức cơ bản về các loại khủng hoảng trong cuộc sống cá nhân và trong đời sống xã hội và những cách thức để tiếp cận các đối tượng hoặc những chủ thể có liên quan hay cần xử lý. Học phần cũng trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để đề ra các chiến lược nhằm thực hiện cuộc tham vấn khủng hoảng. Phần 5 giúp người học nhận diện được những loại khủng hoảng trong cuộc sống cá nhân và trong đời sống xã hội; hiểu được những cách thức để tiếp cận các đối tượng hoặc những chủ thể có liên quan hay cần xử lý và đề ra các chiến lược nhằm thực hiện cuộc tham vấn khủng hoảng.

#### **60. Quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ**

- Số tín chỉ: 2TC
- Mã học phần: PSYC1500
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Nhập môn công tác xã hội
- Học phần phải học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Đây là học phần tự chọn bắt buộc thuộc nhóm học phần nghiệp vụ nghề nghiệp. Học phần mô tả một cách tổng quan các tổ chức phi chính phủ; Các phương pháp và mô hình hoạt động của các tổ chức phi chính phủ; Các chính sách và pháp luật liên quan đến việc đăng kí và tổ chức các hoạt động của tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam.

#### **61. Trò chơi & sinh hoạt tập thể**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: PSYC1123
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Đây là học phần tự chọn bắt buộc nằm trong nhóm nghiệp vụ nghề nghiệp. Nội dung gồm 4 phần tuần tự như sau: Phần 1. Nhập môn về trò chơi và sinh hoạt tập thể. Phần 2. Phương pháp hướng dẫn trò chơi và sinh hoạt tập thể. Phần 3. Tổ chức và phát triển các trò chơi tập thể. Phần 4. Tổ chức trò chơi chuyên biệt. Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về trò chơi và sinh hoạt tập thể bao gồm các nội dung như: Tổng quan về phương pháp của trò chơi và sinh hoạt tập thể, phương pháp hướng dẫn, biên

soạn cũng như các kỹ năng cần có để tổ chức được trò chơi chuyên biệt. Trên cơ sở này, người học vận dụng được những kỹ thuật để tổ chức các trò chơi và sinh hoạt tập thể hỗ trợ trong nghề nghiệp.

## **62. Công tác xã hội với người khuyết tật**

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần: PSYC1747
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Nhập môn công tác xã hội (PSYC1754)
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Đây là học phần tự chọn bắt buộc nằm trong nhóm nghiệp vụ nghề nghiệp. Nội dung gồm có 5 phần như: Khái niệm và phân loại khuyết tật, CTXH với người khuyết tật; Các cách tiếp cận của CTXH với người khuyết tật; Các mô hình hỗ trợ cuộc sống cho người khuyết tật và các kỹ năng làm việc với người khuyết tật. Thông qua việc mô tả những đặc trưng của các đối tượng khuyết tật, xác định nguồn lực và đề xuất giải pháp phù hợp. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội theo xu hướng phát triển CTXH với các nhóm khuyết tật này.

## **63. Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt**

- Số tín chỉ: 2 TC
- Mã học phần: PSYC1844
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Nhập môn công tác xã hội (PSYC1754)
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Đây là học phần tự chọn bắt buộc nằm trong nhóm nghiệp vụ nghề nghiệp. Nội dung bao gồm 6 phần lý thuyết và 6 bài thực hành. Học phần này giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về đặc điểm của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; Những khía cạnh của CTXH với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; Những chủ trương chính sách và cơ chế hoạt động của công tác bảo vệ, chăm sóc cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt. Đồng thời, học phần cũng trang bị cho người học kỹ năng và nghiệp vụ của công tác bảo vệ,

chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Từ đó, người học có thể vận dụng để hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

#### **64. Thực hành nghề nghiệp công tác xã hội với nhóm**

- Số tín chỉ: 3 TC
- Mã học phần: PSYC1745
- Nhóm học phần: Thực hành, thực tập nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Công tác xã hội với nhóm
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần thực hành, thực tập nghề nghiệp. Học phần gồm có 3 phần lý thuyết và 2 bài thực hành, cụ thể như: Tổng quan về cơ sở thực tập; Thực hiện tiến trình CTXH nhóm; Lượng giá giữa kỳ và cuối cùng là kết thúc và lượng giá chung cho toàn đợt thực hành. Mục tiêu chính của học phần là trên cơ sở ôn lại lý thuyết, người học được định hướng và tham gia thực hành tại cơ sở. Người học từng bước rèn luyện các kỹ năng thực hành CTXH với nhóm tại môi trường thực tế. Những phẩm chất nghề nghiệp cũng như những năng lực thực hiện CTXH với nhóm cũng được hình thành và củng cố.

#### **65. Thực hành nghề nghiệp công tác xã hội với cộng đồng**

- Số tín chỉ: 3 TC
- Mã học phần: PSYC1746
- Nhóm học phần: Thực hành, thực tập nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Phát triển cộng đồng
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

Học phần này thuộc trong nhóm học phần thực hành, thực tập nghề nghiệp. Nội dung chính bao gồm hai phần. Trên cơ sở ôn lại lý thuyết, người học được hướng dẫn và tham gia thực hành tại cơ sở; Người học có cơ hội ứng dụng kiến thức và phương pháp phát triển cộng đồng vào môi trường thực tế như tiếp cận, xác định vấn đề, đánh giá nhu cầu của cộng đồng. Từ đó, người học được củng cố và phát triển phẩm chất, kỹ năng, năng lực làm việc với cộng đồng.

#### **66. Thực tập nghề nghiệp công tác xã hội**

- Số tín chỉ: 6 TC



- Mã học phần: PSYC1456
- Nhóm học phần: Thực hành, thực tập nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Rèn luyện nghiệp vụ CTXH với cá nhân, Thực hành CTXH với nhóm, Thực hành CTXH với cộng đồng
- Học phần song hành: Không

Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần thực hành, thực tập nghề nghiệp. Mục tiêu của học phần nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp CTXH và tác phong chuyên nghiệp, cũng như thái độ tuân thủ đạo đức nghề CTXH. Người học có cơ hội tiếp cận, tìm hiểu nhu cầu, xác định vấn đề và lập kế hoạch hỗ trợ cho thân chủ. Thông qua những trải nghiệm về vai trò của nhân viên CTXH trong môi trường thực tế, người học rút ra những bài học thực tiễn để có thể ứng dụng vào nghề nghiệp sau khi ra trường.

### **67. Khóa luận tốt nghiệp**

- Số tín chỉ: 6
- Mã học phần: PSYC1755
- Nhóm học phần: Tốt nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần phải học trước: Rèn luyện nghiệp vụ CTXH với cá nhân, Thực hành CTXH với nhóm, Thực hành CTXH với cộng đồng
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Học phần Khóa luận tốt nghiệp nằm trong nhóm học phần tốt nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp thuộc học phần tự chọn bắt buộc của nhóm học phần tốt nghiệp. Nội dung tập trung vào các tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp. Người học chọn đề tài thuộc lĩnh vực CTXH để nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Rèn luyện thái độ, phẩm chất và kỹ năng của người nghiên cứu khoa học.

### **68. Hồ sơ tốt nghiệp**

- Số tín chỉ: 3 TC
- Mã học phần: PSYC1756
- Nhóm học phần: Tốt nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần phải học trước: Rèn luyện nghiệp vụ CTXH với cá nhân, Thực hành CTXH với nhóm, Thực hành CTXH với cộng đồng
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Học phần Hồ sơ tốt nghiệp là học phần tự chọn bắt buộc trong nhóm học phần tốt nghiệp. Hồ sơ tốt nghiệp bao gồm các sản phẩm của các học phần rèn luyện nghiệp vụ CTXH cá nhân; Thực hành CTXH với nhóm; Thực hành CTXH với cộng đồng; Thực tập nghề nghiệp và bảng tự đánh giá của học viên về phẩm chất, kỹ năng được hình thành qua tiến trình học tập. Trên cơ sở đó, người học có cơ hội đánh giá và nhìn nhận năng lực, điểm mạnh và nguồn lực của bản thân để định hướng nghề sau khi tốt nghiệp.

### 69. Sản phẩm nghiên cứu khoa học

- Số tín chỉ: 3 TC
- Mã học phần: PSYC1757
- Nhóm học phần: Tốt nghiệp
- Học phần tiên quyết: Nghiên cứu khoa học trong CTXH
- Học phần phải học trước: Nghiên cứu khoa học trong CTXH
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

Sản phẩm nghiên cứu là dự án một dự án xã hội gắn với định hướng nghề nghiệp được người học thực hiện trong thời gian học tại trường. Người học có thể tự thực hiện các sản phẩm nghiên cứu dưới dạng một dự án xã hội thuộc 1 trong 5 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc và đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành CTXH. Người học cần trình bày rõ chủ đề dự án; địa bàn diễn ra dự án, nội dung, thời gian triển khai dự án và đánh giá dự án. Người học cần hoàn tất các hạng mục như ngân sách chi tiết; khảo sát đánh giá nhu cầu thực của cộng đồng mà dự án hướng tới; nội dung hạng mục của dự án; kế hoạch triển khai dự án và đánh giá dự án.

## 5. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						**	***
1	POLI2001	Triết học Mác – Lênin	3	K. GDCT	GDCT	X	
2	POLI2002	Kinh tế chính trị học Mác – Lênin	2	K. GDCT	GDCT	X	
3	POLI2003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	K. GDCT	GDCT	X	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						**	***
4	POLI2004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	K. GDCT	GDCT	X	
5	POLI2005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	K. GDCT	GDCT	X	
6	POLI1903	Pháp luật đại cương	2	K. GDCT	GDCT	X	
7	PSYC1001	Tâm lý học đại cương	2	K.TLH	TLH TLH	X X	
8	PHYL2401	Giáo dục thể chất 1	1*	K. GDTC	GDTC	X	
9	PHYL2	Giáo dục thể chất 2	1*	K. GDTC	GDTC	X	
10	PHYL3	Giáo dục thể chất 3	1*	K. GDTC	GDTC	X	
11	MILI2701	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng	3**	K. GDQP	GDQP	X	
12	MILI2702	Công tác quốc phòng và an ninh	2**	K. GDQP	GDQP	X	
13	MILI2703	Quân sự chung	2**	K. GDQP	GDQP	X	
14	MILI2704	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4**	K. GDQP	GDQP	X	
15	EDUC2801	Phương pháp học tập hiệu quả	2	K.KHGD		X	
16	PSYC1900	Kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề	2	K.TLH	TLH TLH	X X	
17	PSYC1901	Kỹ năng làm việc nhóm và tư duy sáng	2	K.TLH	TLH TLH	X X	
18	COMP1812	Trí tuệ nhân tạo và định hướng ứng dụng	2	K.CNTT	CNTTT	X	
19	DOMS0	Giáo dục đời sống	2	TNC	TNC	X	
20	PSYC1409	Logic học đại cương	2	K. Toán	Toán	X	
21	EDUC1410	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	2	K.KHGD	KHGD	X	
22	LITR1912	Cơ sở văn hóa Việt nam	2	K.Ngữ Văn	K.Văn	X	
23	PSYC1718	Thống kê ứng dụng trong NCKH xã hội	3	ThS.GV. Lưu Mạnh Hùng ThS.GV. Trần Chí Vĩnh Long	CTXH TLH	X X	
24	PSYC1440	Nhập môn đánh giá tâm lý	3	TS.GVC. Võ Thị Tường Vy Ths. Nguyễn Bảo Ân	TLH TLH	X X	X
25	PSYC1840	Nhập môn CTXH	2	ThS.GV. Nguyễn Thị Ngọc Bích ThS. Nguyễn Đình Ký	CTXH CTXH	X X	
26	PSYC1438	Tâm lý học trẻ em	3	ThS.GV. Đào Thị Duy Duyên TS.GVC. Võ Thị Tường Vy	TLH TLH	X X	
27	PSYC1042	Tâm lý học người trưởng thành	2	ThS.GV. Đào Thị Duy Duyên ThS.GV. Trần Chí Vĩnh Long	TLH TLH	X X	
28	PSYC1105	TLH tham vấn	3	TS.GVC. Võ Thị Tường Vy ThS.GV. Đào Thị Duy Duyên	TLH TLH	X X	
29	PSYC1408	Hành vi con người và môi trường xã hội	2	TS.GV. Hoàng Tuấn Ngọc ThS.GV. Trần Chí Vĩnh Long	Phúc lợi xã hội TLH	X X	
30	PSYC1435	Tâm bệnh học trẻ em	2	ThS.BS.GV. Trần Trung Nghĩa TS.GVC. Võ Thị Tường Vy	Tâm thần học TLH	X	X

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						**	***
31	PSYC1422	An sinh xã hội	2	TS.GV. Hoàng Tuấn Ngọc ThS.GV. Nguyễn Đình Ký	Phúc lợi xã hội CTXH	X X	
32	PSYC1413	Chính sách XH	2	TS.GV. Hoàng Tuấn Ngọc ThS.GV. Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phúc lợi xã hội CTXH	X X	
33	PSYC1402	Lý thuyết CTXH	3	ThS. GV. Nguyễn Đình Ký ThS. Lê Thị Ngà	CTXH CTXH	X X	
34	PSYC1414	CTXH với cá nhân	3	ThS.GV. Lưu Mạnh Hùng ThS. GV. Nguyễn Đình Ký	CTXH CTXH	X X	
35	PSYC1415	CTXH với nhóm	3	ThS.GV. Nguyễn Thị Ngọc Bích ThS. Lê Thị Ngà	CTXH CTXH	X X	
36	PSYC1411	Phát triển cộng đồng	3	ThS. GV. Nguyễn Đình Ký ThS.GV. Lưu Mạnh Hùng	CTXH CTXH	X X	
37	PSYC1841	NCKH trong CTXH	2	ThS.GV. Trần Chí Vĩnh Long ThS.GV. Lưu Mạnh Hùng	TLH CTXH	X X	
38	PSYC1420	Kỹ năng hỗ trợ nghiệp vụ CTXH	2	ThS.GV. Nguyễn Thị Ngọc Bích ThS. GV. Nguyễn Đình Ký	CTXH CTXH	X X	
39	PSYC1125	Kỹ năng giao tiếp ứng xử	2	Ths.GV. Đào Thị Duy Duyên ThS.GV. Trần Chí Vĩnh Long	TLH TLH	X X	
40	PSYC1425	CTXH trong bệnh viện	2	ThS. Nguyễn Quốc Giang ThS.GV. Lưu Mạnh Hùng	CTXH CTXH	X	X
41	PSYC1429	Giáo dục sức khỏe cộng đồng	2	ThS. Lê Thị Ngà TS.GV. Hoàng Tuấn Ngọc	CTXH Phúc lợi xã hội	X X	
42	PSYC1126	Giới và phát triển	2	ThS. Lê Thị Ngà ThS.GV. Lưu Mạnh Hùng	CTXH CTXH	X X	
43	PSYC1748	Pháp luật trong CTXH	2	ThS.GV. Lưu Mạnh Hùng ThS. Lê Thị Ngà	CTXH CTXH	X X	
44	PSYC1842	Quản lý trường hợp	2	ThS.GV. Lưu Mạnh Hùng ThS. GV. Nguyễn Đình Ký	CTXH CTXH	X X	
45	PSYC2401	Khởi nghiệp dành cho sinh viên ngoài sư phạm	2	K.TLH	TLH TLH	X X	
46	PSYC2804	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	K.TLH	Tổ CM trường	X	
47	COMP1815	Ứng dụng CNTT trong môi trường làm việc	2	K.CNTT	CNTTT	X	
48	PSYC1843	Giáo dục kỹ năng sống	3	TS. GV. Hoàng Tuấn Ngọc ThS.GV Nguyễn Đình Ký	GDH Phúc lợi xã hội	X X	
49	PSYC1423	Kỹ năng tham vấn cơ bản	3	TS.GVC. Võ Thị Tường Vy ThS.GV. Đào Thị Duy Duyên	TLH TLH	X X	
50	PSYC1032	Tham vấn học đường	3	ThS.GV. Đào Thị Duy Duyên ThS. GV. Võ Thị Tường Vy	TLH TLH	X X	
51	PSYC1445	TLH trị liệu	3	TS. GVC. Võ Thị Tường Vy ThS.GV. Đào Thị Duy Duyên	TLH TLH	X X	
52	PSYC1742	CTXH trẻ em và gia đình	3	ThS. Lê Thị Ngà ThS.GV. Đào Thị Duy Duyên	CTXH TLH	X X	
53	PSYC1442	CTXH học đường	3	ThS.GV. Nguyễn Thị Ngọc Bích ThS.GV. Lưu Mạnh Hùng	CTXH CTXH	X X	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						**	***
54	PSYC1418	Quản trị ngành CTXH	2	ThS.GV. Nguyễn Thị Ngọc Bích ThS. Chu Dũng	CTXH CTXH	X	X
55	PSYC1749	Xây dựng và quản lý dự án trong CTXH	3	ThS.GV. Nguyễn Thị Ngọc Bích TS.GV. Hoàng Tuấn Ngọc	CTXH Phúc lợi xã hội	X X	
56	PSYC1750	CTXH với nhóm dễ tổn thương	3	ThS. GV. Nguyễn Đình Kỳ ThS.GV. Lưu Mạnh Hùng	CTXH CTXH	X X	
57	PSYC1744	Rèn luyện nghiệp vụ CTXH với cá nhân	3	ThS.GV. Lưu Mạnh Hùng ThS. GV. Nguyễn Đình Kỳ	CTXH CTXH	X X	
58	PSCY1449	Tham vấn khủng hoảng	2	TS. GVC. Võ Thị Tường Vy ThS.GV. Đào Thị Duy Duyên	TLH TLH	X X	
59	PSYC1500	Quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ	2	TS.GV. Hoàng Tuấn Ngọc ThS.GV Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phúc lợi xã hội CTXH	X X	
60	PSYC1123	Trò chơi & sinh hoạt tập thể	2	ThS. Nguyễn Công Danh ThS.GV. Trần Chí Vĩnh Long	XXH TLH	X	X
61	PSYC1747	CTXH với người khuyết tật	2	ThS. GV. Lưu Mạnh Hùng ThS.GV. Nguyễn Thị Ngọc Bích	CTXH CTXH	X X	
62	PSYC1844	CTXH với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2	ThS. GV. Nguyễn Đình Kỳ ThS. GV. Lưu Mạnh Hùng	CTXH CTXH	X X	
63	PSYC1745	Thực hành nghề nghiệp CTXH với nhóm	3	ThS. Lê Thị Ngà TS. GV. Hoàng Tuấn Ngọc	CTXH Phúc lợi XH	X X	
64	PSYC1746	Thực tập nghề nghiệp 1(CTXH với cộng đồng)	3	ThS. GV. Nguyễn Đình Kỳ ThS.GV. Lưu Mạnh Hùng	CTXH CTXH	X X	
65	PSYC1456	Thực tập nghề nghiệp CTXH	6	ThS.GV. Lưu Mạnh Hùng ThS. GV. Nguyễn Đình Kỳ	CTXH CTXH	X X	
66	PSYC1755	Khóa luận tốt nghiệp	6	TS. GVC. Võ Thị Tường Vy ThS.GV. Lưu Mạnh Hùng	TLH CTXH	X X	
67	PSYC1457	Hồ sơ tốt nghiệp	3	ThS.GV Nguyễn Thị Ngọc Bích TS. GV. Hoàng Tuấn Ngọc	CTXH Phúc lợi XH	X X	
68	PSYC1757	Sản phẩm nghiên cứu khoa học	3	TS. GV. Hoàng Tuấn Ngọc ThS. GV. Nguyễn Đình Kỳ	Phúc lợi XH CTXH	X X	

## 6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY - HỌC TẬP

- Phòng học lí thuyết:

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có:

- 01 Hội trường B với sức chứa hơn 900 người, đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, các hoạt động học tập, sinh hoạt chính trị, phổ biến quy chế, tổ chức các buổi tiếp nhận ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc của sinh viên, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ của viên chức, sinh viên.

- 01 Nhà thi đấu và 01 Nhà luyện tập thể dục thể thao với sức chứa gần 300 người, đáp ứng nhu cầu học tập, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao của viên chức, sinh viên.

- 08 Giảng đường (A103, A113, A303, A303, GĐ D, GD 18, GĐ 19, GĐA) với sức chứa gần 200 người, phù hợp với việc tổ chức giảng dạy nhiều học phần lý thuyết, tổ chức sinh hoạt sinh viên, thi nghiệp vụ sư phạm.
- 162 phòng học lý thuyết với sức chứa trung bình 50 người/phòng, đáp ứng việc tổ chức giảng dạy và tổ chức thi các học phần.
- 37 phòng máy vi tính hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập Công nghệ thông tin.
- 09 phòng học thông minh (B605, C401, C403, C405, C406, C407, C501, C503, C506) với hệ thống bảng tương tác.
- 32 phòng thực hành, thí nghiệm
- Hệ thống mạng internet phủ toàn trường, phát wifi miễn phí cho người học truy cập mạng, đăng kí, học tập trực tuyến qua các thiết bị cá nhân.
- Tất cả các phòng học lý thuyết đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu.

## **7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

- Để thực hiện chương trình này:
  - + Cán bộ quản lý phải nắm rõ chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và triển khai thực hiện đúng đủ. Phân công giảng dạy phù hợp với chuyên môn, Có khả năng giám sát tiến độ, mức độ thực hiện chương trình đào tạo.
  - + Giảng viên phải:
    - Nắm vững chương trình đào tạo, có đầy đủ đề cương chi tiết của học phần mình đảm nhiệm và nguồn học liệu phong phú cho học phần.
    - Giới thiệu cho sinh viên đề cương chi tiết, mục đích yêu cầu học phần, cách học, cách kiểm tra đánh giá, danh sách các tài liệu tham khảo phục vụ cho học phần đó.
    - Vừa giảng dạy vừa cố vấn quá trình học tập cho sinh viên, giúp sinh viên tiếp cận tri thức một cách chủ động cũng như khuyến khích và tạo điều kiện cho sinh viên tự học.
    - Thường xuyên trao đổi và phối hợp với đồng nghiệp để cùng nâng cao chất lượng giảng dạy.
  - + Người học phải:
    - Tìm hiểu, nghiên cứu để nắm vững chương trình đào tạo của khóa học, ngành đào tạo, kế hoạch học tập mỗi học kỳ và những quy định, chế độ liên quan của trường. Sinh viên liên lạc với cố vấn học tập, hoặc văn phòng khoa, viện và các phòng chức năng để được hướng dẫn, giúp đỡ và tư vấn;
    - Chủ động xây dựng kế hoạch học tập cá nhân của toàn khoá học, từng năm và từng học kỳ theo yêu cầu của chương trình đào tạo của ngành và quy định của Trường, phù hợp với năng lực và nguyện vọng cá nhân;
    - Thường xuyên theo dõi các thông báo trên mạng quản lý đào tạo, đọc kỹ các tài liệu hướng dẫn mỗi học kỳ để thực hiện các công việc học tập theo đúng trình tự và đúng thời hạn; Thực hiện việc đăng ký học mỗi học kỳ theo đúng quy định, quy trình;

- Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các yêu cầu của học phần đã đăng ký học;
- Theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá, thi hết học phần; tính điểm của từng học phần và tự đánh giá kết quả học tập theo quy định.
- Các yêu cầu cần đảm bảo khi thực hiện chương trình xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho người học:
  - + Đảm bảo tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, giúp cho người học phát triển đầy đủ phẩm chất và năng lực để thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục và dạy học.
  - + Triển khai thực hiện việc dạy học linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học nhưng phải đảm bảo tính khoa học của cấu trúc chương trình đào tạo.
  - + Bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**

**(đã ký)**

**Huỳnh Văn Sơn**